

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành giá dịch vụ cảng biển
đối với các tàu quân sự hoặc tàu nghiên cứu khoa học**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 26/06/2012 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ kết luận hội nghị của Ban lãnh đạo Công ty về giá dịch vụ cảng biển của Cảng Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 08/2017/QĐ-CHP ngày 14/12/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng về giá dịch vụ tại Cảng Hải Phòng đối với các chủ tàu (đại lý) vận tải biển quốc tế;

Xét đề nghị của phòng Kinh Doanh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố quy định giá dịch vụ cảng biển đối với các tàu quân sự hoặc tàu nghiên cứu khoa học tại Cảng Hải Phòng như sau:

1. Giá dịch vụ hỗ trợ tàu: Đơn vị tính: USD/lượt phục vụ vào hoặc ra

STT	Chiều dài toàn bộ của tàu yêu cầu hỗ trợ (LOA)	Đơn giá
1	Loại tàu có chiều dài (LOA) nhỏ hơn 90m	231
2	Loại tàu có chiều dài (LOA) từ 90m đến dưới 110m	535
3	Loại tàu có chiều dài (LOA) từ 110m đến dưới 130m	650
4	Loại tàu có chiều dài (LOA) từ 130m đến dưới 150m	765
5	Loại tàu có chiều dài (LOA) từ 150m đến dưới 170m	1.225
6	Loại tàu có chiều dài (LOA) từ 170m trở lên	1.800

2. Giá dịch vụ buộc/cởi dây: Đơn vị tính: USD/lần buộc hoặc cởi dây

STT	Trọng tải tàu	Tại cầu	Tại phao, vũng vịnh
1	Dưới 3.000 GT	14,0	28,0
2	Từ 3.000 GT đến dưới 6.000 GT	19,6	39,2
3	Từ 6.000 GT đến dưới 10.000 GT	27,4	54,8
4	Từ 10.000 GT đến dưới 20.000 GT	41,1	82,2
5	Từ 20.000 GT đến dưới 30.000 GT	60,0	120,0
6	Từ 30.000 GT trở lên	90,0	180,0

3. Giá dịch vụ thuê cầu: 1,10 USD/mét cầu/giờ.
4. Giá dịch vụ hành khách, thủy thủ, thuyền viên qua cầu, bến: 1,00 USD/người/lượt vào hoặc ra.
5. Giá dịch vụ thuê bãi Cảng: 1,31 USD/m²/ngày.
6. Giá dịch vụ phục vụ an ninh (tính theo chuyến)
- 6.1. Thuê vỏ container để rào chắn mũi tàu, đuôi tàu:
- Container 20': 70 USD/container
 - Container 40': 100 USD/container
- 6.2. Thuê rào mềm di động để rào chắn mũi tàu và đuôi tàu: 6,0 USD/m.
- 6.3. Tổ chức bố trí xe phòng cháy chữa cháy: 1.000 USD/chuyến
- 6.4. Tổ chức lực lượng phục vụ an ninh, bảo vệ: 700 USD/chuyến
7. Giá dịch vụ thuê xe nâng hàng:
- Loại 5 tấn ÷ 10 tấn : 16 USD/giờ
 - Loại Hister 28 tấn : 31 USD/giờ
 - Loại Kalmar 30 tấn : 31 USD/giờ
 - Loại Kalmar 42 tấn : 55 USD/giờ
- (Mức thu tối thiểu cho một chuyến tàu là 04 giờ.)

8. Các dịch vụ phát sinh khác (theo yêu cầu): giá thỏa thuận giữa Cảng Hải Phòng và Khách hàng.

Điều 2. Giá quy định tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Việc tính thuế giá trị gia tăng sẽ căn cứ theo quy định của Nhà nước để thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và thay thế cho quyết định số 10/2016/QĐ-CHP ngày 16/12/2015. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị gửi báo cáo về phòng Kinh Doanh để tập hợp báo cáo Tổng Giám đốc Công ty giải quyết.

Điều 4. Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, các giám đốc Chi nhánh Công ty, trưởng các phòng liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi ủy quyền để thực hiện. Trường hợp phát sinh tác nghiệp, chủng loại hàng hoá không quy định trong Quyết định này, các đơn vị có ý kiến về phòng Kinh Doanh báo cáo xin ý kiến Tổng Giám đốc trước khi thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch HĐQT;
- Các ông Phó TGD Công ty;
- Bộ Tài Chính - Cục quản lý giá (để BC);
- Cục Hàng hải Việt Nam (để BC);
- Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (để BC);
- Lưu: VT, KD.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Việt